

## Một cách đọc thơ Lưu Quang Vũ: từ phê bình cảnh quan

A way to read Luu Quang Vu's poetry: from landscape criticism

Bùi Bích Hạnh\*  
Bui Bich Hanh\*

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng  
University of Science and Education - The University of Danang

(Ngày nhận bài: 05/06/2024, ngày phản biện xong: 17/06/2024, ngày chấp nhận đăng: 19/06/2024)

### Tóm tắt

Lưu Quang Vũ là một trường hợp sáng tạo của “cái khác”. Có thể xem thế giới nghệ thuật thơ ông là biểu hiện của tư duy nhận thức lại chiến tranh; của hoài nghi, đổ vỡ, dự phóng, đối thoại đời tư. Đọc thơ Lưu Quang Vũ, vẫn có nhiều tâm thế tiếp nhận trong cái nhìn tham chiếu, liên văn bản. Phê bình cảnh quan là một cách đọc như thế, để kiến giải cái nhìn đa chiều của chủ thể trữ tình trong thế giới nghệ thuật thơ ông về tính tương quan giữa không gian phố thị và sinh thái, không gian người nữ và cảnh quan thiên tính nữ, cô đơn đám đông. Nhà thơ đã thể hiện cái nhìn về không gian mang quan niệm sinh thái nhân văn, quan niệm về giới và tinh thần con người hiện sinh. Ở đó, bạn đọc sẽ diễn giải thêm được những nghịch lý, những đối thoại mang tính thời đại, tính quan niệm của một nhà thơ hiện sinh với khát vọng phi trung tâm, vì một khuynh hướng văn học “thiểu số”.

*Từ khóa:* Lưu Quang Vũ; phê bình cảnh quan; phi trung tâm; thiên tính nữ; hiện sinh.

### Abstract

Luu Quang Vu is a creative case of “otherness”. The artistic world of his poetry can be seen as a manifestation of the creative thinking of recognised war; of doubt, disruption, projection, private life dialogue. There are still many receptive attitudes in the referential and intertextual perspective in reading Luu Quang Vu's poetry. Landscape criticism is such a way of reading, to interpret the multi-dimensional view of the lyrical subject in the art world of his poetry about the correlation between urban space and ecology, female space and the landscape of female divinity, crowd loneliness. The poet expressed a view of space that carries the concept of human ecology, the concept of gender and the existential human spirit. There, readers will be able to further interpret the paradoxes, contemporary dialogues, and the conceptual nature of an existential poet with a non-centered desire, because of a “minority” literary trend.

*Keywords:* Luu Quang Vu; landscape criticism; non-centered; female divinity; existential.

### 1. Đặt vấn đề

Phê bình cảnh quan (landscape criticism) là một triển vọng nhiều gợi mở liên ngành cho nghiên cứu văn học, nghệ thuật. Một trong những công trình có tính chất “mở đầu” cho xu

hướng phê bình cảnh quan ở Việt Nam - “Cảnh quan Việt Nam trong văn học và điện ảnh: Những tiếp cận xuyên văn hóa”, đã có những nghiên cứu lí giải về hướng tiếp cận cảnh quan trong bối cảnh xuyên văn hóa, toàn cầu hóa:

\*Tác giả liên hệ: Bùi Bích Hạnh  
Email: bbhanh@ued.udn.vn

không gian văn hóa, quyền lực cảnh quan và những khía cạnh cụ thể về các mô hình cảnh quan như cảnh quan bản địa, cảnh quan giới, tương tác giữa thân thể/ thân phận với không gian/ cảnh quan... [8]. Phê bình cảnh quan, dù ở Việt Nam, vẫn còn là hướng nghiên cứu liên ngành mới, cũng đã đặt ra những gợi mở về mối quan hệ, tương tác giữa văn chương với tư tưởng và với nghiên cứu sinh thái, giới, phân tâm... Từ quan niệm của Lefebvre, không gian không bao giờ là sự trống rỗng, chúng ta sẽ khám phá được những hàm nghĩa của không gian/ cảnh quan thông qua cách kiến tạo của người sáng tạo văn chương nghệ thuật. Đọc lại tác phẩm văn học dưới góc nhìn phê bình cảnh quan, cũng là cách diễn giải lại giá trị thẩm mỹ của tác phẩm và để hiểu thêm về những khía cạnh tư duy, mỹ cảm sáng tạo của nhà thơ, ở đó, nổi bật định vị của con người trong đối thoại với thế giới bên ngoài/ “đối thoại cảnh quan”. Đọc tác phẩm thơ, khởi đầu và đích đến cũng là cảm thụ văn bản nghệ thuật. Ở đó, văn chương thường thâm nhập trong mình các loại hình nghệ thuật khác. Âm nhạc, điện ảnh, hội họa, khi đã dự phần vào văn chương đều phải sinh một văn bản nghệ thuật mới, kích thích cảm hứng của một lối đọc từ tương tác các mã diễn ngôn. Hay nghiên cứu văn chương dưới hướng tiếp cận liên ngành cũng vậy, sẽ cho ra kết quả nhiều khả năng “dẫn giải ý tưởng”. Đó là lí do người viết muốn đọc lại thơ Lưu Quang Vũ, nhà thơ của nhiều nguồn mỹ cảm, để cảm thụ đa chiều một trường hợp sáng tạo, theo tôi, vẫn còn khoảng trống. Với quan niệm đọc văn bản nghệ thuật như thế và tâm lí tiếp nhận từ phê bình cảnh quan, hi vọng sẽ gợi mở thêm một cách đọc khác để cảm nhận được những đối thoại trong thơ Lưu Quang Vũ, một

trong những trường hợp còn “vẫy gọi”<sup>1</sup> của thơ Việt. Bởi lối viết Lưu Quang Vũ như là một “cuộc chơi tự do”<sup>2</sup>.

## 2. Nội dung

### 2.1. “*Vườn trong phố*”: sự va chạm phố thị và sinh thái

Gắn cảm quan không gian vào đối thoại sinh thái, người sáng tạo đã mang đến cho tư duy không gian/ cảnh quan một ý nghĩa. Trong đó, hình tượng con người được họ trao quyền diễn ngôn để thể hiện tinh thần sinh thái nhân văn; bộc lộ những quan điểm sinh thái mà ở đó con người xem tự nhiên là những thực thể được đối đãi có trí tuệ, có cảm xúc và bộ mặt thế giới tự nhiên phụ thuộc vào hành vi văn hóa xã hội của con người. Nhà thơ có cái nhìn nhân văn, nhân bản với không gian sinh thái; chính điều này tạo ra tư duy cảnh quan của chủ thể sáng tạo. Cái tôi và nhân vật trữ tình được bày tỏ cái nhìn với ngoại cảnh từ lăng kính của tác giả đối thoại với các vấn đề sinh thái, như một cách kiến tạo cảnh quan mang quan điểm của con người, thời đại. Lưu Quang Vũ là một nhà thơ có ý thức không gian/ cảnh quan như thế. Trước hết là thiết lập sự va chạm giữa phố thị và sinh thái. Ngay từ thời đoạn sáng tác tưởng chỉ mang tính thăm dò với nghệ thuật thơ, Lưu Quang Vũ đã có một cái nhìn *vườn trong phố*. Mang cảm thức phủ trong, phủ xanh cho đời sống, cảnh quan phố thị hiện hữu trong thơ ông như đang cần con người che đỡ giữa ngột ngạt hủy diệt của chiến tranh. Cũng như khi chuyển đổi tư duy nghệ thuật đời tư, nhà thơ vẫn nhất quán với sự song hành giữa mỹ cảm phố và ngoài phố. Bất gặp không ít những do dự, bưng bít của người thơ, khi để cái tôi vừa an trú vừa vượt thoát khỏi không gian chật chội, trống

<sup>1</sup> Chữ dùng của Sartre. Theo Sartre, “Vì sự sáng tạo chỉ có thể hoàn tất trong việc đọc, vì người nghệ sĩ phải giao phó cho một người khác hoàn tất cái anh ta đã bắt đầu, vì chỉ thông qua ý thức của người đọc anh ta mới có thể trở thành cốt yếu đối với tác phẩm của mình, nên mỗi tác phẩm văn học là một tiếng gọi” [6, tr.62-63].

<sup>2</sup> Dẫn từ quan niệm “hậu cấu trúc luận và giải cấu trúc” của Barry: “chúng ta đang sống trong một thế giới đã bị “giải trung tâm” hay hoàn toàn chỉ có tính tương đối. Thay vì vận động hay chuyển hướng lệch ra bên ngoài một trung tâm được ấn định sẵn, tất cả chúng ta bước vào “một cuộc chơi tự do” [1, tr.91].

rộng của tâm hồn bằng cái nhìn thâm nạp đời sống sinh thái. Chính sự tương tác giữa ngoại giới và nội cảm đã tạo nên cái tôi vượt ngưỡng trong thơ ông, vượt ngưỡng theo cách hiểu không giới hạn và phi tuyến tính. Dẫu ngoài phố heo hắt buồn, đẫm bi thương bởi ám mùi khói súng hay kinh rợn xác người thì đó cũng là vùng không gian “phụ thuộc” để con người trong thi giới Lưu Quang Vũ nếm trải mặc cảm mất mát, chia lìa, gãy đổ của đất nước và đời sống cá nhân con người với tinh thần dân tộc tính và nhân tính. Thị dân nghèo, phố thị thời chiến, *ga xưa đã sập tan tành, những chuyến lên đường xưa đã chết đến Khâm Thiên, máu bầm khắp nơi, rừng đầy muỗi độc, chiến hào lở loét khói bom...* đã trở thành những biểu tượng ám dụ. Lưu Quang Vũ tuyên ngôn nghệ thuật bằng thơ. Ở đây có thể thấy một lối viết mang tự nhiên chùng chất lên phố xá, cửa nhà và dự phần vào cả không gian lòng phố, đường tàu, sân ga, *triệu người*. Nơi con người di trú và được an trú để đối mặt với cảm giác trống rỗng, thế giới nội cảm đầy xáo động với không gian chiến tranh ngập ngựa tang thương: *“ta đã qua/ bao phố làng đổ sụp/ cổ nghẹn lòng thù hận/ nhìn bao em bé mồ côi/ mà sao chiều nay/ giết xong quân giặc/ chẳng thấy lòng thanh thoi nhẹ nhõm/ chỉ nỗi buồn trĩu nặng/ dâng lên như đá trên mồ”* (Những đứa trẻ buồn). Từ đó, chúng tôi muốn bàn thêm về tương tác cảnh quan trong thơ Lưu Quang Vũ như một sự va chạm giữa cảnh quan nội cảm và ngoại giới, biểu đạt được ý đồ nghệ thuật tự thức của người nghệ sĩ về vấn đề thân phận. Những ứng xử với không gian theo góc nhìn sinh thái nhân văn của tác giả đã chứng minh nguồn mĩ cảm cảnh quan là chất xúc tác có ý nghĩa chi phối sâu sắc tư duy nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ.

Giọng sử thi hay sắc giọng tự sự, tự trào từ những mất mát, gãy đổ đời tư và nhật nhật những tàn tích chiến tranh, nhà thơ luôn có một chủ âm dành cho đường biên của cảnh quan sinh thái và không gian sống phố thị phồn tạp...

Ở đó, mẫu người đô thị và mẫu người trong đời sống tự nhiên dường như đều dần thân để sắm nhiều vai. Để chủ thể bộc lộ cái nhìn cảnh quan tương hợp giữa tự nhiên, ngoại cảnh và thế giới phố phường, nhà cửa đậm sở hữu cá nhân. “Cái tôi vượt ngưỡng” trong thơ Lưu Quang Vũ hiện sinh trong sự trở về. Không gian bên ngoài là một phía không gian giải thoát của người thơ trong hành trình tìm về với nơi an trú nỗ lực để an yên: *Nhà chật*. Có một sự tương phản mang ý thức cảnh quan trong thơ ông giữa không gian vô biên, cùng tận với không gian sống đo bằng mét vuông chật chội: *“Nhà chỉ mấy thước vuông, sách vở xếp cạnh nôi/ Nếu nằm mơ, em quờ tay là chạm vào thùng gạo/ Ô tường nhỏ treo tranh và phơi áo/ Ta chỉ có mấy thước vuông cho hạnh phúc của mình”* (Nhà chật). Từ coi nói đến thu hẹp và theo chiều ngược lại, có một cảnh quan khác cân bằng giữa hai thái cực đó, chính là tâm hồn trú ngụ của con người trong thi giới Lưu Quang Vũ làm cho con người thấy hạnh phúc, kể cả đó là hạnh phúc phi lí cay cực nhọc nhằn. Khát vọng *bờ không còn nếu chẳng có khơi xa* đã sinh ra phạm trù triết học hiện sinh trong thơ ông, tinh thần dự phóng. *Một đêm 1972, lá thu, mùa đông, heo may có đại úa vàng, ngàn lau rụng trắng, đường đã hết trước biển cao vời vợi...* là những miền ảnh tượng vượt ra ngoài không gian tự nhiên, trở thành không gian sinh thái nhân văn; ở đó, con người nhân bản trong thơ ông hiện diện một cách ám ảnh. Tư duy chất vấn, tự vấn đã chi phối cái nhìn cảnh quan trong thơ Lưu Quang Vũ. Cái tôi không chỉ ám ảnh thực tại mà còn đồng hiện, dự báo cho thời cuộc dân tộc, quê hương xuất phát từ tư duy nhận thức lại những dư chấn chiến tranh và cả những sang chấn đời tư. Vì thế xuất hiện với tần suất cao là cái tôi nổi loạn ngay cả trong giai đoạn sáng tác đầu đời tưởng phải bình yên, dịu nhẹ. Song làm nên bản sắc thơ Lưu Quang Vũ, phải kể đến dự phần của cái tôi, chủ thể sáng tạo mặc niệm cho

những đoạn đời không yên, bão bùng của phận người, phận nước. Đó là tâm thế con người đứng vào trung tâm của bối cảnh nhập nhòa thuốc súng, đạn lửa và không gian xanh hiem hoi của những ngày trời đất ngót khói súng, đạn bom. Như một tiếng nói trữ tình lạc phách thời đại, thơ Lưu Quang Vũ có thể được nhìn nhận như là trường hợp “mỹ học của cái khác”, theo biện giải về cái Khác của nhà phê bình Đỗ Lai Thúy: “Cái Khác, một mặt phải chống lại sức hút của quyền lực trung tâm của cái chính thống và chính thức để bảo vệ sự tồn tại độc lập của mình. Mặt khác, nó phải chống lại chính bản thân nó” [7, tr.83]. Lưu Quang Vũ đã nhất quán trong khát vọng “làm khác” mình. Nhà thơ thường trực đối thoại với bi kịch chiến tranh ngay trong thời sáng tác sử thi là chủ âm; tự sự với chính bi kịch đời tư và thể hiện cái tôi “tự truyện” với các tác phẩm va chạm thể loại, dung nạp nhiều phong cách ngôn ngữ. Vì thế, Lưu Quang Vũ là trường hợp tạo được cái khác không chỉ đối chiếu với phong cách thời đại, mà còn là trong tham chiếu tự thân phong cách nhà thơ như là một cách thực hành thơ “lai ghép” (chữ dùng của Đỗ Lai Thúy).

Thường trực trong thơ Lưu Quang Vũ là tâm thức đối thoại, hoài nghi: “*Chúng ta ra đi chiến tranh mùa đông/ Ta kịp biết gì đâu/ Vừa hết trẻ con đã là người lính/ Cô bạn gái cánh tay trần râm nắng/ Ngực phập phồng thờ mạnh đến lo âu/ Đừng nói với ta những lời hào nhoáng về chiến tranh/ Tuổi trẻ ta đã qua bạn bè ta đã chết*” (Những bông hoa không chết). Từ tâm thức của người nhìn chiến tranh và luận giải về nó theo một cách “phản đề”, nhân vật trữ tình trong thơ ông luôn đứng trước mâu thuẫn giữa thực tại và khát vọng. Dưới cảm thức không gian cảnh quan, chúng ta thấy nổi lên không gian dịch chuyển từ bên trong ra bên ngoài và từ sinh thái vào nội thị. Và với sự dịch chuyển mang tư duy hướng nội đó, hiện diện một cách có dấu ấn hình tượng con người xê dịch, với những hành vi nổi

loạn: “*Anh xé quyển thơ anh viết mấy năm ròng/ Anh xé lòng anh những đêm mất ngủ*” (Không đề). Và hiện sinh trở thành bản thể tính trong quan niệm nghệ thuật của nhà thơ, khi chủ thể đặt thế giới nhân vật vào những khát vọng vượt thoát không gian và dù đón nhận hạnh phúc với không gian mái che, căn phòng có thể đo đạc gang tấc thì cũng bộc lộ tư duy dự phóng của tâm thể hiện sinh. Con người trong tư duy nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ cũng chính là hiện thân của cái tôi trữ tình, luôn nhất quán trong sự cân bằng và biến cái chật ních thành cõi rộng rinh của thế giới tinh thần. Hay cũng là một cách cân bằng cái tôi, người sáng tạo rất chú ý trong việc xây dựng hình tượng con người nổi loạn: “*Cửa kính đóng xong anh đưa tay đập vỡ/ Đời anh ổn định rồi, anh lại phá tung ra*” (Không đề); như một cách kí thác những xáo trộn tinh thần vào sự vượt thoát. Tư duy hướng thiên, hướng ngoại là biểu hiện của ý thức cảnh quan cân bằng ngoại cảnh và nội giới của nhà thơ đầy tinh thần hiện sinh, như một chủ nghĩa nhân bản<sup>3</sup>.

Hóa giải bi kịch đổ vỡ, con người trong thơ ông tự thức nương náu vào thế giới bên ngoài, để nhìn vào trực diện và mổ xẻ những va chấn. Có khi bất mãn, có lúc tự trào song tất cả đều là “mặt nạ” của những u uẩn cần được giải thoát. Tính đối lập của ngoại giới và thế giới bản thể thơ Lưu Quang Vũ có thể xem là cứu cánh để nhân vật tự nhận thức lại mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Và thế giới nghệ thuật thơ thường có sự tham dự của cái tôi phức tạp, tự trào nhưng lại tin yêu, xáo động; tuyệt vọng nhưng lại tự cứu rỗi như cách con người chân thương và lành trở lại: “*Mưa dầm dội trên đường*

<sup>3</sup> Từ quan niệm của Sartre, chủ nghĩa hiện sinh là một chủ nghĩa nhân bản, chúng ta có thể lí giải cái tôi bản thể trong thơ Lưu Quang Vũ từ điểm nhìn cảnh quan, qua đó, chủ thể trữ tình vượt khỏi không gian sử thi, thay vào đó, cái tôi dần thân như một sự nếm trải của con người hiện sinh đa diện và phức cảm, đầy tinh thần nhân bản trong tương quan sinh thái và không gian xây cất, nơi con người đều được nếm trải một cách có lựa chọn (Xin xem thêm [5]).

*phổ trên mái nhà/ Như thác trắng vỡ tan như bạc của trời như bước chân của kí ức/ Em vượt nước mưa chảy rờn trên mặt/ Ngoảnh đầu nhìn về đâu*” (Mưa dữ dội trên đường phố trên mái nhà). Bằng lăng kính va chạm giữa phố thị và sinh thái, giữa giới hạn và vô biên, tác giả đã có cái nhìn vừa tự vấn vừa chất vấn, vừa dấn vật vừa tìm đến với thiên nhiên để thanh lọc và thức nhận giác quan. Điều này được thể hiện qua hình tượng thơ của người nghệ sĩ nhạy cảm ấy bằng lớp ngôn ngữ đầy cảm giác, nhục cảm. Đó là điều đáng ngẫm trong thơ ông, vào thời buổi cái tôi thơ ngoại biên như thế biến thể tinh thần sử thi đã tưởng lạc trong môi trường văn học chiến tranh nhưng chính cái khác đó lại là hệ quả của ý thức ngoại giới, nội cảm cân bằng; là quan niệm tác động tư duy cảnh quan như cách con người được chữa lành. Kể cả khi nhân vật trong thơ ông chìm đắm trong bi kịch đời tư, thì con người vẫn để tự nhiên dự phần như là cách cất chứa những uẩn khuất. Và chính điều đó khiến cái tôi hình thành được quan niệm nghệ thuật chữa lành tự thân, từ những hóa thân vào linh hồn tự nhiên. Cách nhà thơ thiên định ngay trong lòng phố trước những xô xát của thiên nhiên thời chiến đã khiến cân bằng tâm lí của người sáng tạo. Hay nói khác hơn, cảnh quan thay cho tiếng nói tưởng bị mất lời giữa phố thị, không gian sống chật chội để hướng đến một không gian tinh thức, mưu cầu: *“một tình yêu không biết nói cùng ai/ đến điên dại đến ghen ngào đau đớn/ mặt anh vỡ trong tâm gương thất vọng/ em ơi ngày ấy em đâu?”* (Em - Tình yêu những năm đau xót và hi vọng).

Con người chuộng sự phản tư và do đó có những đối thoại trong thơ ông thể hiện cái nhìn tự thức, tuy nhiên thăm sâu là lan tỏa thấu cảm bởi đó không chỉ là tự vấn của cái tôi mà còn là sự bao dung của ngoại giới đã động đến con người đang thấy mình mất mát. Vì thế, nương vào mùa, giao mùa, thơ Lưu Quang Vũ cấp cho con người một sinh thái nhân văn, ở đó, có một

đối tượng “tự sự” khác hiện thân của nhân vật trữ tình để biểu hiện nhiều trạng thái độc thoại, đối thoại giữa cái tôi và nhân vật, tôi và tha nhân, tôi và bóng âm. Khiến mọi thứ được hồi đáp. Vì thế, có thể xem đây là phương pháp sáng tác của một ý thức nghệ sĩ đối thoại được với bi kịch con người thông qua những tự thuật hoàn toàn không vô tri của thế giới cảnh quan. Không phải ngẫu nhiên xuất hiện nhiều ảnh tượng mang tính chồng xếp không gian ở đây, dưới cách xử lí lắp ghép giữa thế giới phố thị, tường vách với những mảnh ghép tự nhiên xô lệch mà tất cả đều gọi đến lụi tàn, chết chóc trong lời tự thú của cái tôi: *“Lá com nguội rụng vàng mặt phố/ Mùa đông sắp tới rồi/ Mùa đông này ta sẽ phải chia tay/ Một chuyện chia tay, có gì đâu em nhi/ Một chuyện tình tan vỡ có gì đâu/ Kết thúc một năm bao giờ chả thế/ Sau mọi điều lại chỉ có mùa đông”* (Thơ tình viết về một người đàn bà không có tên (I)) hay *“Giờ lạnh tanh anh không còn xao động nữa/ Không nổi buồn không cay đắng không niềm vui/ Khổ đau hôm nay không như khổ cũ/ Nỗi lo âu cũng khác hẳn xưa rồi”* (Anh đã mất chi anh đã được gì). Trong không gian cảnh quan phức hợp đó, cái tôi trữ tình hòa hợp trong nhiều vai dấn thân; tạo nên một lăng kính cảnh quan được xếp đặt tương giao giữa nhiều không gian sống, giải phóng cho con người cá nhân.

## 2.2. Người nữ và cảnh quan thiên tính nữ

Phê bình cảnh quan gọi mối quan hệ về giới. Trong nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ, có quan niệm về giới hay có tiếng nói đối thoại giới trong tư duy nhà thơ. Giữa thế giới tự nhiên, tác giả đã mang vào đây cái nhìn nhân phận nữ, nhân phận đàn bà. Sắc giới nữ, như cái nhìn vừa mát mát vừa bù đắp, vừa hoan hỉ vừa bi kịch, vừa tình tứ vừa dấn vật... có thể xem là những cặp phạm trù đối lập biện chứng trong nhãn quan về người nữ, cái nhìn cảnh quan thiên tính nữ mà nhà thơ đã thể hiện ở nhân vật trữ tình nữ. Xuất hiện rất nhiều hình tượng nữ trong thơ ông, như khách

thể của cái đẹp và cái buồn<sup>4</sup>, đã qua và hiện hữu, cái đồ vỡ và còn lại. Tất cả trong một đồng hiện không gian của sắc giới, không gian thiên tính nữ. Đây là cái nhìn cảnh quan của cây bút thoát khỏi “sự thống trị của nam giới” để dịu dàng, đắm đuối với những môi tình đôi lứa. Bắt gặp trong tư duy thơ Lưu Quang Vũ chòng xếp thể giới thiên nhiên, mang mặc tưởng và tâm niệm về giới. Trong một thể đối thoại nâng niu của chủ thể trữ tình, không thuộc xu hướng “nam trị”, như một trao tặng để vừa xoa dịu những tổn thương cái tôi mang lại hay nhân vật tự thân song hơn hết, cảnh quan sắc giới nữ là một biểu hiện của tư tưởng văn học chân thương và tự chữa lành, là một lối viết lấy thiên tính nữ làm lập thuyết thể hiện sự tôn trọng phái tính. Trong thơ ông, người đọc sẽ thấy phụ nữ/ đàn bà được “tự ăn mình”, song có sự đồng hành, đối thoại của nam giới: “*Đừng giận những khi bỏ em anh lang thang/ Như một kẻ không nhà không cửa/ Em chong đèn ngồi bên cửa sổ/ Mong anh về trong*

*khóc mắt đăm đăm*” (Không đề). Đây là một trong những lí do khiến thơ Lưu Quang Vũ không một chiều “ngôn tình”, mà đó là tiếng nói mang đầy tinh thần đối thoại giới: “*Điều tôi nói phải chăng là quá muộn/ Em u buồn em có nhận hay không/ Em gầy như huệ trắng xanh/ Ngọn lửa nhỏ giữa hai vực thẳm/ Em tê dại em âm thầm kêu hãnh/ Em cô đơn như biển lạ lòng ơ*” (Lá thu).

Thời đoạn này, Lưu Quang Vũ là một trường hợp chữa lành hiện sinh. Trong một hướng tiếp cận phân tâm, chúng ta sẽ thấy tinh thần phân tâm hiện sinh qua những cách ứng xử của nhà thơ với chủ thể người nữ và không gian thuộc giới nữ: “*Anh như con sông cứ muốn chảy ngược dòng/ Khi tuyệt vọng không muốn làm em khổ/ Anh bỏ nhà ra đi như ngọn gió/ Ngọn gió âm thầm quặn quại vẫn yêu em*” (Không đề). Ở đây, tương ứng với những giọng thơ, biểu lộ được cái nhìn ưu ái của người nghệ sĩ để vừa ban tặng vừa thực hành năng lực tự đắp lành thương tổn, trong một sắc giọng tự trào gây nhiều thú đau thương: “*Đã qua đi thời say đắm, mong chờ/ Vẫn còn đó một màu hoa gay gắt/ Cái màu hoa cô độc/ Nở âm thầm trong giá buốt heo may*” (Hoa vàng ở lại).

Những trang “thư viết về một người đàn bà không có tên” dường như là tiếng nói thường trực của thi sĩ đối với người nữ. Từ đó, cảnh quan trong những thi tứ của người nghệ sĩ thường trực như là cái biểu đạt cho phái tính nữ. Những va động âm thanh ngoại giới và sóng lòng, biển tình và sự im lìm của đêm... đang đối thoại, tranh chấp trong hư thực. Đó là “cái khác” mang tâm thức ngoại giới mà không gian như bày biện để biểu đạt cho vùng nội cảm đầy từng trải của cái tôi trữ tình: “*Trước tình em đáng lẽ phải lặng yên/ Nhưng hạnh phúc làm anh không nén được/ Như biển cả vỡ bên mình Tổ quốc*” (Những ngày chưa có em). Cái tôi rơi vào cảm giác đối nghịch giữa thế giới vô ngôn và thanh âm vỡ òa của hạnh phúc “có lại” sau mất mát. Những mộng

<sup>4</sup> Ở tiểu thuyết “đẹp và buồn”, Kawabata/ âm bản của nhân vật nhà văn, đã đẩy ngôn từ lên thành tư duy triết mĩ về mối quan hệ giữa cái đẹp quyền rũ xuyên thì của nhân vật thiếu nữ và ham muốn ân ái của đàn ông từng trải. Kết cuộc đau buồn bởi hủy hoại, bởi hài nhi đã không còn sự sống song thù hận không gieo vào người nữ họa sĩ ấy, cũng là hạnh phúc đau thương của người đàn ông, nhân vật nam chính của tiểu thuyết: “Tâm thân son trẻ bền bỉ làm dịu đi những thương tổn nội tâm” [3, tr.206]. Đối chiếu phạm trù kép cái đẹp và cái buồn vào quan niệm cảnh quan giới trong Lưu Quang Vũ, cũng tương tự, sẽ thấy lòng ẩn nhẫn của người nghệ sĩ luôn đeo đuổi cái đẹp, qua hình tượng những người nữ nhan sắc có căn nguyên để cái tôi nồng nàn, mê đắm như cách chủ thể đối đãi vừa cao thượng bao dung vừa tự thú cái đau cái tội lỗi của một người nam không giữ được hạnh phúc. Vừa dẫn vật vừa cố quên, vừa dẫn thân yêu vừa chạy trốn tự tình. Song trên hết là hạnh phúc vì tận hiến và được hiến dâng. Tác phẩm của Kawabata đâu đó gợi đến quan niệm ái tình ở thế giới nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ, khiến bạn đọc chạm vào chiều sâu nhân tính con người trong cái nhìn khác giới của cây bút tạo dựng cảnh quan thiên tính nữ, khước từ không gian nam trị. Đây cũng là quan niệm tình yêu được kí thác vào hình tượng con người, cảnh quan nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị đời, cũng như sự lôi cuốn của những tâm hồn và hình sắc nữ không thôi ám ảnh đời thơ ông (Xin xem thêm [3]).

tàn trong chặng đời tư bi kịch đã đem đến cho chủ thể một cách nhìn mang tinh thần cảnh quan hệ lụy đa tình với người nữ. Từ nhạy cảm, tinh tế buổi đầu đòi yêu thương hạnh phúc đến những biến cố sang chân tinh thần trai trẻ, người thơ vẫn tạo dựng không gian thiên tính nữ, như một sự hàm ơn kể cả đối với những mất mát, chênh chao tưởng chừng lấy đi hạnh phúc của con người: “*em sinh ra khi ngày hừng đêm tàn/ lúc con chim đập gãy cửa lồng/ nếu suốt đời em khát vọng trời xanh/ nếu suốt đời em đòi hỏi trời xanh/ sao anh lại ngạc nhiên và trách móc*” (Sông Hồng - năm mẹ sinh em). *Hạnh phúc con người mong manh mưa sa* là dự báo của cái tôi về tình yêu đã không ít lần tan tác. Đó cũng là vị tha, là thiện lành; là mâu thuẫn, giằng xé; là dự cảm mất mát, lìa xa. Tất cả tạo thành một hồ thẳm trong cái tôi, vô vọng trong không gian tình yêu đang hứng chịu những nghịch lí từ cuộc chiến: “*em xếp lại trên bàn những chiếc cốc thủy tinh/ những giá trị mỏng manh dễ vỡ/ cầu thang gãy tiếng búa ai bịt cửa/ đêm chia tay rách xé những hồi còi/ thời bạo tàn lửa cháy khắp nơi/ những thầy người gục ngã/ những nhịp cầu sụp đổ/ những toa tàu rỗng không/ em đứng ở góc phòng/ tóc lòa xòa trên má/ anh ôm chặt thân em bé nhỏ/ biết nói gì; lát nữa đã xa xôi/ thù hận mênh mông mặt đất bùn lầy/ em chấp chớn đi trên đổ nát*” (Em).

Trong cách kiến giải của lí thuyết phê bình cảnh quan, các tác phẩm nghệ thuật thể hiện cái nhìn giới của người nghệ sĩ. Đặt cảnh quan trong tác phẩm thơ Lưu Quang Vũ, chúng ta có thể cho rằng cảnh quan là một văn bản phái sinh, có khả năng được cấp nghĩa. Trong tác phẩm của Lưu Quang Vũ, ngoài những ngữ nghĩa của chủ thể trữ tình, thế giới hình tượng thì cảnh quan trong thi giới của ông đầy những nghĩa phái sinh mang quan niệm giới, thuộc về giới; là cảnh quan thiên tính nữ, không bị bó buộc trong không gian thống trị của nam giới. Trong cái nhìn giới của người sáng tạo khác giới như vậy, không gian nữ được gọi tên với rất nhiều ưu ái, đắm đuối và cao

thượng mang đậm tình yêu khác phái. Đây cũng là một trong những yếu tố tạo nên phong cách thơ Lưu Quang Vũ, không gian mê đắm của những cuộc tình lãng mạn và đầy tương tác, đối thoại với nam giới theo cách đàn ông vừa được ngưỡng vọng, chiều chuộng vừa được đón nhận, chờ che: “*Mai trong em anh thành cỏ lãng quên/ Em chẳng nhớ chân trời anh khát vọng/ Em chẳng nhớ lòng anh cơn gió nóng/ Suốt cuộc đời cỏ đắng cỏ lãng quên*” (Dù cỏ lãng quên). Điều này rất đậm nét trong đối thoại thơ Xuân Quỳnh - Lưu Quang Vũ. Sắc giới và cảnh quan, nam và nữ... tạo nên những hình tượng thơ biểu trưng cho sự tương tác giới. *Anh/ em, anh/ người đàn bà*, hay những hình tượng thiên nhiên nhân cách hóa đều là những biểu hiện, kí thác đối thoại trong thế giới nghệ thuật thơ ông. Và đó cũng là quan niệm cảnh quan thuộc về giới mà các nhà nghiên cứu gần đây cũng thử phân giải. Từ những cách nhìn về mối quan hệ cảnh quan và quan niệm sáng tạo nghệ thuật, dễ nhận thấy trong thơ Lưu Quang Vũ, ông đã kiến giải về người nữ không chỉ trong không gian nam giới/ nam trị mà điều đáng nói là nhà thơ đã kiến tạo người nữ trong không gian ban tặng, có khi đó là không gian cảnh quan của cái đẹp vĩnh cửu: *những bông hoa không chết* hoặc không gian thương cảm, cao thượng của người nam vừa đau vừa tự thú mình là người chịu lỗi trong đổ vỡ đời tư: “*Cướp được tàu anh tưởng có ngọc vàng/ Ngờ đâu chỉ là ván nát sàn hoang/ Còn tro lại hồn thơ tai ác quá/ Nhưng thôi em ơi đây chỉ là lời ru trong giấc ngủ/ Anh thương em đây anh lại êm đêm/ Làm con ong vàng đến ngủ giữa tóc em/ Con ong xanh có đôi mắt đen/ Con ong trắng là con ong thương nhớ/ Con ong đỏ chính niềm tin áp ú/ Còn hạnh phúc cuối cùng là tiếng hát chú ong nâu*” (Bầy ong trong đêm sâu). Thiên tính nữ không chỉ thuộc về lời viết nữ mà còn đến lượt nó, dưới cảm quan của cây bút yêu chuộng, đắm đuối với người nữ như Lưu Quang Vũ, tất yếu tồn tại một kiểu không gian cảnh quan thiên tính nữ.

### 2.3. Cô đơn đám đông

“Tôi là đứa con cô đơn ngay khi ngồi cạnh mẹ/ Thằng bé lẻ loi giữa lớp học ồn ào/ Bàn chân hồ nghi giữa đường phố xôn xao” (Mấy đoạn thơ). Từ soi chiếu của tư duy cảnh quan, có thể thấy nhà thơ Lưu Quang Vũ đã dựng nên một bối cảnh “đám đông” mang tinh thần không gian đời thường chiến tranh. Đó là không gian phố thị, mái ấm trữ tình cho nhiều cung bậc tâm lý của cái tôi, cái tôi cô đơn ở đây khác quan niệm tâm lý đám đông: “sự định hướng những tình cảm và tư tưởng theo cùng một chiều qua con đường gợi ý và lây nhiễm, (...) Cá nhân không còn là bản thân mình nữa” [4, tr.55]. Trong cảnh huống người sống, người chết mỗi ngày không ngớt chất vấn trong thực tại cũng như trong mộng mị, tác giả đã tái hiện bi kịch của không gian thời tao loạn những năm 70 của thế kỉ XX, khi cùng thời, Phạm Tiến Duật đã cảm thấu đó là “*cái yên lặng bình thường đêm sau chiến tranh*” (Viết về số 0). Nếu đặt dưới lí thuyết phê bình cảnh quan, thì đây là cách thi nhân tạo lập quan niệm không gian gắn với quan niệm sống, nhân sinh quan, thế giới quan và ý đồ sáng tạo của họ. Lưu Quang Vũ, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngô Kha, Ý Nhi, Xuân Quỳnh... cùng những nhà thơ miền Nam “ngoại biên”/ “bên lề” thời bấy giờ có thể xem là những trường hợp có dấu hiệu bước đầu “giải trung tâm”; tư tưởng nghệ thuật thuộc “cái khác” của họ, trong đó có tư duy cảnh quan là một trong những vấn đề đã được nhiều nghiên cứu, phê bình bàn luận. Lí thuyết phê bình cảnh quan, đến lượt mình, đã thăm dò và khám phá ý thức không gian mang tính xúc cảm và tư duy của một bộ phận nhà thơ như đã kể, họ đã chạm đến những góc nhìn, góc tả không gian nhân tính.

Cảnh quan, qua lăng kính của các nhà thơ “trẻ” với tư duy thế sự - đời tư giai đoạn những năm 70 của thế kỉ XX, đã bộc lộ quan niệm thẩm mỹ về không gian hay nói đúng hơn là họ có ý thức về cảnh quan, gắn với những quan niệm,

nguồn cảm mà ý đồ sáng tạo đó chi phối rất nhiều hình tượng thẩm mỹ trong thơ. Quan niệm của thế hệ sáng tác chi phối tư duy cảnh quan của người sáng tạo. Hoàng Phủ Ngọc Tường có “vẽ tôi” thì Ý Nhi có “người đàn bà ngồi đàn”, cả hai đều có thể tham chiếu với không gian bản thể, không gian nội cảm của người sáng tạo hay chính đó là thế giới bên trong của đời nghệ sĩ, không gian phận người. Đó còn là văn hóa cảnh quan của một lớp nhà thơ “phụ lưu” ít nhiều không chịu khuôn mình trong những thiết chế định sẵn của thời đại; họ bút phá, hiện sinh trong nguồn cảm mới; quan tâm đến không gian thật đã gắn với thân phận con người; gần như khước từ không gian lạnh lùng của sử thi, cổ vũ. Chính vì thế, trở lại trong thơ Lưu Quang Vũ, chúng ta cũng thấy nhiều lần sự hiện diện của con người cô đơn tự thân/ cô đơn đám đông như thể “sinh ra để cô đơn” (Nguyễn Phong Việt) bởi thi sĩ nhận thức lại chiến tranh chứ không phản ánh chiến tranh một chiều, bởi hồn thơ đau đau chất vấn. “*Việt Nam ơi*” với hàng loạt không gian chết chóc, mộ thiêng, rừng độc, ga tàu sập nát, “*mưa dừ dội trên đường phố trên mái nhà*”, “*những vực sâu khủng khiếp*”... là những chất liệu gợi hình và gợi một nét văn hóa thẩm mỹ sáng tạo của nhà thơ của “cái khác” Lưu Quang Vũ; đó vừa là “thị phạm” nổi đau con người mang thân phận bi kịch chiến tranh, vừa là cái nhìn không gian thời chiến mang tính hiện thực và dự phóng. Ý thức nhân vị trong không gian đám đông cũng là cách biểu đạt quan niệm của nhà thơ về nhân tính: “*Người ta vác đá tạc tượng thần/ Dâng cho tượng những đồ ăn quý nhất/ Dâng cả máu trẻ con tinh sạch/ Sau một đêm mưa, thần vỡ tan tành/ Ngơ ngác nhìn lại tay mình/ Anh không giết kẻ thù, nó sẽ giết anh/ Nhưng máu đổ ra vẫn máu người đặc quánh*” (Hoa cầm chướng trong mưa). Chủ thể trữ tình day dứt trong những chất vấn của dân tộc, của những con người chết oan/ quyết tử. Họ trở về giàng xé trong những giấc mộng, những cơn mê đời được sống. Đó là biểu hiện của không gian



âm dương trong lối viết của một nhà thơ yêu nước theo cách của riêng mình. Những tưởng chìm đắm trong thế giới đời tư “xếp làm”, song hồn thơ đó theo đuổi những cảm nghiệm không gian cảnh quan thuộc về dân tộc tính, đầy nhân tính. Rất nhiều tác phẩm trong Di cao thơ biểu đạt cho tinh thần nhân vị trong không gian cảnh quan đám đông bị kịch. Ở đó, là suy tư của con người không ràng buộc mình vào lối viết chủ đạo của văn học chiến tranh, mà tự trào trong tâm thế của cái tôi tự do, dù là tự do trong cô độc. Những hình tượng của nghiêng ngửa, đổ nát, tan hoang trong xu hướng đặt con người trong thế giới cô đơn tự thân từ cái nhìn mang ý nghĩa triết học (hiện sinh), cô đơn được xem như là một phạm trù khả dĩ để con người đặt mình trong mối quan hệ với cảnh quan như với tha nhân.

Lưu Quang Vũ rất dụng công khai thác thế giới tinh thần con người ở trạng thái cô đơn tự thân, cô đơn như một quan niệm “tự hành”. Cô đơn đám đông, một trạng huống mang tinh thần tâm lí chiều sâu; mặc cảm bị ruồng bỏ, tự thu mình giữa xô bồ, đông đúc. Triết thuyết hiện sinh cho thấy cô đơn đám đông là thuộc về tính tự chủ của con người hay một trạng thái tinh thần “bất thường” của con người, khi họ tự thức nhận một đời sống hiện sinh. Là một sự lựa chọn mang ý thức cá nhân, như trong thời đại Thơ mới, xuất hiện con người độc hành, lang thang để chứng thực “cái tôi” thì ở thơ “ngoại biên” Lưu Quang Vũ trước 1975, hiện diện cái tôi cô đơn như một sự buộc lựa chọn cách thế sống, nhân vị của nhân vật trữ tình phơi bày bế tắc với số phận bị kịch của lạc lõng, cô độc trong không gian cảnh quan ngột ngạt của chiến tranh Việt Nam: “*anh thành kẻ cô đơn trong tổ quốc của mình/ kẻ tha hương ngay ở giữa quê hương/ đêm đêm quân cảnh vây lưng/ gác xếp tối tăm ẩn núp/ hỏa châu lửa chớp/ đất rung phi pháo bom rền/ thành phố sốt run hỗn loạn quay cuồng/ điểm hoang vật vờ tóc xõa*” (Những gương mặt). Với cái tôi mang mặc cảm bị ruồng bỏ, bất gặp trong cái nhìn ứng xử với không gian của nhà thơ là tâm thế chơi vui,

đơn độc - hệ lụy của những sang chấn đời tư: “*Cậu bé con đôi mắt ngây thơ/ Đã đánh mắt kho vàng và tiếng hát/ Anh bỏ hồ trong, bỏ vườn cây mát/ Đi tìm chân trời nhưng chỉ thấy cô đơn*” (Những ngày chưa có em). Luôn hoang hoải với tiếng tình tự của những cơn mộng không thời gian: “*Anh là con ong bay giữa trời lặn đặng/ Trời đêm dài chẳng có một ngôi sao*” (Bầy ong trong đêm sâu).

“*Những áo quần rách rưới/ Những hàng cây đâm mình vào bóng tối, chiều mờ sương leo lắt đèn dầu*” (Việt Nam ơi) là cái nhìn mang tâm thức cảnh quan hư ảnh, con người ẩn mặt hay cô độc giữa không gian mờ nhòe ám ảnh. Rất nhiều con đường, hiện thân ảo ảnh của quá khứ đồng hiện vào hiện tại và dự phóng tương lai. Trong ám ảnh không gian chiến tranh, tàn tích của cuộc chiến, xuất hiện rất nhiều trong thơ Lưu Quang Vũ những nhân phận, hình nhân, vong hồn của nỗi đau, mất mát, điên loạn. Nhiều nhân vật trữ tình khóc hú trong đêm, giữa không gian “đám đông” đồng đội. Có thể là thật, có thể là mị: đều thức gọi người thơ qua nhãn quan của hoài niệm, ray rứt; của chất vấn, tự vấn. Khâm Thiên, con đường xác người, thành quách... là phé tích ám gọi hồn thơ Lưu Quang Vũ. Đó là những cảnh quan xác chết man rợ, âm đạm tang thương, hỗn loạn điên đảo; tượng trưng cho một quan niệm khác về chiến tranh: “*những người chết trong đêm thân gãy nát/ óc chảy ròng trên gạch/ những người chết cháy đen miệng há mắt mở trừng/ những xác vùi dẫm máu dưới cầu thang/ tay chân vụn vụn thịt xương/ lòng ruột mắc trên dây điện/ phố Khâm Thiên ảm ảm đổ sụp/ tiếng người la khủng khiếp xé đêm dài*” (Khâm Thiên). Thế giới chiến tranh ở đây không mang tâm thức của vinh quang, hào quang mà chìm sâu vào trong cái nhìn tỏ tường của không gian/ cảnh quan bị kịch, chết chóc. Chính lối viết này là hệ quả của tư duy cảnh quan hậu chiến nhận thức lại chiến tranh ngay trong lòng văn học chiến tranh, như một phản đề thỗn thức về chiến tranh của những cây bút không chịu bó buộc mình vào

cái nhìn không thời gian sử thi, thể hệ. Đây là trạng thái tâm lí sáng tạo vượt ngưỡng, “bên lề” văn học chiến tranh từ cảm quan không gian trần trụi, phơi bày.

Từ *chợ búa, bến tàu, trong mỏ tối hay chiếc tàu buồn ướt đầm hơi sương... đến những mái nhà xám đen, tâm hồn ẩn trú đều chịu sự phóng chiếu của cái nhìn ngoại quan nơi tham dự của cảm thức vỡ mộng. Mang cái nhìn đồng hiện không thời gian, thế giới xung quanh con người trong thơ Lưu Quang Vũ là những xếp chồng, dịch chuyển từ ngoại quan vào nội cảm, để có khi đọc thơ ông, cảm thấy lời tự thú cô đơn của chủ thể như một năng lực cô đơn. Chính cảm thức hiện sinh, khiến cô đơn thành dự phóng. Con người làm chủ trong cảnh quan dự phóng đó, để bộc lộ lối viết thức tỉnh, một trong những phạm trù làm nên con người hiện sinh. Trước những ngổn ngang dự báo, giữa *bài hát ấy vẫn còn là dang dở, cuốn sách xếp làm trang*, cái tôi trữ tình trong thi giới hiện sinh Lưu Quang Vũ luôn tự vấn, phản tư để khẳng định nhân vị khi đến giai đoạn văn học đã dần chữa lành những chấn thương từ bối cảnh hậu chiến với lăng kính tình yêu của nhà thơ vượt ngưỡng để sống tự do và tự do sáng tạo: “*Anh yêu em và anh tồn tại*”.*

### 3. Kết luận

Dưới góc nhìn của phê bình/ lí thuyết cảnh quan, chúng ta có thêm một cách đọc thơ Lưu Quang Vũ. Trong thế giới nghệ thuật thơ đó, tác giả đã thể hiện đa diện cái tôi ý thức nhân vị. Và cũng từ tư duy bản thể, nhà thơ đã bộc lộ quan niệm nghệ thuật về không gian cảnh quan với những phạm trù tương tác sinh động giữa phố thị và sinh thái, cảnh quan về giới, cô đơn đám đông. Hình tượng nghệ thuật trong thơ hiện thân cho cảm xúc thẩm mỹ và tinh thần triết thuyết hiện sinh về con người, từ đó chi phối đến quan niệm không gian cảnh quan; qua đó, tác giả cho

thấy một phong cách sáng tạo tự do, kiến tạo không gian dự phóng. Thế giới nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ, đáng chú ý là những tác phẩm trước 1975, Di cao thơ, ở đó, người nghệ sĩ với phong cách đắm đuối, nồng nàn trong cách cảm về cuộc đời, về thân phận đã tạo dựng nên lối viết cảnh quan. Cái nhìn không gian cảnh quan trong thi giới đó như một ý đồ nghệ thuật, dù hướng thượng hay hướng nội, dù hướng ngoại hay trầm tư cũng đều là biểu hiện cho phong cách của một “cái khác”, vì một khuynh hướng “văn học thiếu số”<sup>5</sup> đương thời.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Barry, P. (2023). *Nhập môn lí thuyết văn học và văn hóa*. (Nhiều tác giả dịch). Hà Nội: Nxb Hội Nhà văn.
- [2] Deleuze, G. - Guattari, F. (2016). *Kafka Vì một nền văn học thiếu số*. (Nguyễn Thị Từ Huy dịch). Hà Nội: Nxb Tri thức.
- [3] Kawabata, Y. (2019). *Đẹp và buồn*. (Mai Kim Ngọc dịch). Hà Nội: Nxb Hà Nội.
- [4] Le Bon, G. (2020). *Tâm lí học đám đông*. (Nguyễn Xuân Khánh dịch). Hà Nội: Nxb Tri thức.
- [5] Sartre, J.P. (2015). *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*. (Đình Hồng Phúc dịch). Hà Nội: Nxb Tri thức.
- [6] Sartre, J.P. (1999). *Văn học là gì*. (Nguyễn Ngọc dịch). Hà Nội: Nxb Hội Nhà văn.
- [7] Thúy, Đ.L. (2012). *Thơ như là mỹ học của cái khác*. Hà Nội: Nxb Hội Nhà văn.
- [8] Thủy, N.T - Giang, H.C (Chủ biên). (2023). *Cảnh quan Việt Nam trong văn học và điện ảnh: Những tiếp cận xuyên văn hóa*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

<sup>5</sup> “Văn học thiếu số” theo nghĩa “là nền văn học do một thiếu số tạo nên trong một ngôn ngữ dòng chính” [2, tr.65]. Từ đó, có thể dẫn giải về một xu hướng/ khuynh hướng văn chương “thiếu số”, theo tác giả bài viết, có thể hiểu như là biểu hiện của “cái khác”. Dẫn vào Lưu Quang Vũ, bạn đọc kiến giải được một số biểu hiện của một hiện tượng sáng tạo “thiếu số” vừa theo cách hiểu nghĩa rộng của “văn học thiếu số” đã dẫn và cũng có thể theo những cách hiểu phái sinh từ quan niệm về một lối viết của “cái khác” như đã bàn ở trên.